行政訴訟
**TỐ TỤNG HÀNH CHÍNH**

# 裁判救濟程序
# Trình tự thủ tục kháng cáo phán quyết, quyết định

## 壹、 高等行政法院地方行政訴訟庭之教示條款

## Điều khoản hướng dẫn của phiên tòa tố tụng hành chính địa phương thuộc Tòa án hành chính cấp cao

《301》得上訴（通常訴訟程序第一審判決）

Được kháng cáo (Phán quyết sơ thẩm theo thủ tục tố tụng thông thường)

一、 如不服本判決，應於送達後 20 日內，向本院地方行政訴訟庭提出上訴狀，其未表明上訴理由者，應於提出上訴後 20 日內補提理由書；如於本判決宣示或公告後送達前提起上訴者，應於判決送達後 20 日內補提上訴理由書（均須按他造人數附繕本）。

Nếu không đồng ý với phán quyết này, phải nộp đơn kháng cáo đến phiên tòa tố tụng hành chính địa phương của Tòa án, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày được tống đạt, người không trình bày rõ lý do kháng cáo, phải nộp bổ sung bản trình bày lý do kháng cáo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nộp đơn kháng cáo; Nếu đã nộp đơn kháng cáo sau khi phán quyết được tuyên án hoặc công bố nhưng trước khi tống đạt, phải nộp bổ sung bản trình bày lý do kháng cáo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày phán quyết được tống đạt (đều phải đính kèm bản sao theo số lượng đương sự phía bên kia).

二、 上訴未表明上訴理由且未於前述 20 日內補提上訴理由書者，逕以裁定駁回。

Đơn kháng cáo không trình bày rõ lý do kháng cáo và không nộp bổ sung bản trình bày lý do kháng cáo trong thời hạn 20 ngày nêu trên, sẽ bị bác đơn bằng quyết định.

三、 上訴時應委任律師為訴訟代理人，並提出委任書（行政訴訟法第 49 條之 1 第 1 項第 2 款）。但符合下列情形者，得例外不委任律師為訴訟代理人（同條第 3 項、第 4 項）。

Khi kháng cáo cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng và phải nộp giấy ủy quyền (khoản 2 mục 1 Điều 49-1 Luật Tố tụng hành chính). Nhưng người phù hợp các trường hợp sau, được ngoại lệ không cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng (khoản 3, khoản 4 cùng điều luật).

| 得不委任律師為訴訟代理人之情形<br>Trường hợp được không cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng | 所需要件 Điều kiện cần thiết |
|---|---|
| (一) 符合右列情形之一者，得不委任律師為訴訟代理人<br>Người phù hợp một trong các trường hợp nêu bên phải, được không cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng | 1. 上訴人或其代表人、管理人、法定代理人具備法官、檢察官、律師資格或為教育部審定合格之大學或獨立學院公法學教授、副教授者。<br>Người kháng cáo hoặc người đại diện, người quản lý, người đại diện theo pháp luật có tư cách là thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư hoặc là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành công pháp tại trường đại học hoặc học viện độc lập đã được Bộ Giáo dục thẩm định đủ tiêu chuẩn.<br>2. 稅務行政事件，上訴人或其代表人、管理人、法定代理人具備會計師資格者。<br>Vụ việc hành chính về thuế, người kháng cáo hoặc người đại diện, người quản lý, người đại diện theo pháp luật có tư cách là kế toán viên.<br>3. 專利行政事件，上訴人或其代表人、管理人、法定代理人具備專利師資格或依法得為專利代理人者。<br>Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, người kháng cáo hoặc người đại diện, người quản lý, người đại diện theo pháp luật có tư cách là chuyên gia sáng chế hoặc theo quy định pháp luật được phép làm người đại diện về sáng chế. |

| | |
|---|---|
| (二)　非律師具有右列情形之一，經高等行政法院高等行政訴訟庭行政法院認為適當者，亦得為上訴審訴訟代理人<br>Người không phải là luật sư nhưng có một trong các trường hợp nêu bên phải, được Tòa án hành chính của phiên tòa án tố tụng hành chính cấp cao thuộc Tòa án hành chính cấp cao xét thấy phù hợp, được làm người đại diện tố tụng trong quá trình tố tụng phúc thẩm | 1. 上訴人之配偶、三親等內之血親、二親等內之姻親具備律師資格者。<br>Người là vợ/chồng, người thân thích cùng huyết thống trong phạm vi ba đời, người thân thích về quan hệ hôn nhân trong phạm vi hai đời của người kháng cáo có tư cách là luật sư.<br>2. 稅務行政事件，具備會計師資格者。<br>Vụ việc hành chính về thuế, người có tư cách là kế toán viên.<br>3. 專利行政事件，具備專利師資格或依法得為專利代理人者。<br>Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, người có tư cách là chuyên gia sáng chế hoặc theo quy định pháp luật được phép làm người đại diện về sáng chế.<br>4. 上訴人為公法人、中央或地方機關、公法上之非法人團體時，其所屬專任人員辦理法制、法務、訴願業務或與訴訟事件相關業務者。<br>Khi người kháng cáo là pháp nhân công, cơ quan trung ương hoặc địa phương, tổ chức không có tư cách pháp nhân theo công pháp, thì nhân viên chuyên trách trực thuộc đơn vị phụ trách công việc về pháp chế, pháp lý, giải quyết khiếu nại hành chính hoặc vấn đề liên quan về vụ việc tố tụng. |
| 是否符合(一)、(二)之情形，而得為強制律師代理之例外，上訴人應於提起上訴或委任時釋明之，並提出(二)所示關係之釋明文書影本及委任書。<br>Phù hợp các trường hợp tại điểm (1),(2) hay không, được coi là ngoại lệ trong việc bắt buộc phải có luật sư làm người đại diện tố tụng, người kháng cáo phải giải thích rõ khi nộp đơn kháng cáo hoặc ủy quyền, đồng thời phải nộp bản sao văn bản giải thích mối quan hệ nêu tại điểm (2) và giấy ủy quyền. | |

《302》得上訴（簡易、交通裁決事件第一審判決）

Được kháng cáo (Phán quyết sơ thẩm về vụ việc thủ tục rút gọn, xử phạt vi phạm giao thông)

一、如不服本判決，應於送達後 20 日內，以原判決違背法令為理由，向本院地方行政訴訟庭提出上訴狀並表明上訴理由（原判決所違背之法令及其具體內容，以及依訴訟資料合於該違背法令之具體事實），其未表明上

訴理由者，應於提出上訴後 20 日內補提理由書；如於本判決宣示或公告後送達前提起上訴者，應於判決送達後 20 日內補提上訴理由書（均須按他造人數附繕本）。

Nếu không đồng ý với phán quyết này, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày được tống đạt, với lý do phán quyết sơ thẩm vi phạm pháp luật, và nộp đơn kháng cáo đến phiên tòa án tố tụng hành chính địa phương của Tòa án và trình bày rõ lý do kháng cáo (quy định pháp luật mà bản án sơ thẩm đã vi phạm và nội dung cụ thể, và các tình tiết cụ thể về sự vi phạm căn cứ theo tài liệu tố tụng), người không trình bày rõ lý do kháng cáo, phải nộp bổ sung bản trình bày lý do kháng cáo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nộp đơn kháng cáo; Nếu đã nộp đơn kháng cáo sau khi phán quyết được tuyên án hoặc công bố nhưng trước khi được tống đạt, phải nộp bổ sung bản trình bày lý do kháng cáo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày phán quyết được tống đạt (đều phải đính kèm bản sao theo số lượng đương sự phía bên kia).

二、上訴未表明上訴理由且未於前述 20 日內補提上訴理由書者，逕以裁定駁回。

Đơn kháng cáo không trình bày rõ lý do kháng cáo và không nộp bổ sung bản trình bày lý do kháng cáo trong thời hạn 20 ngày nêu trên, sẽ bị bác đơn bằng quyết định.

《303》得抗告（一般裁定）

Được kháng cáo (Quyết định chung)

如不服本裁定，應於送達後 10 日內，向本院地方行政訴訟庭提出抗告狀並敘明理由（須按他造人數附繕本）。

Nếu không đồng ý với quyết định này, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được tống đạt, phải nộp đơn kháng cáo đến phiên tòa án tố tụng hành chính địa phương của Tòa án và trình bày rõ lý do (phải đính kèm bản sao theo số lượng đương sự phía bên kia).

《304》得抗告（收容聲請裁定）

Được kháng cáo (Quyết định của đơn yêu cầu tạm giam)

如不服本裁定，應於送達後 5 日內，以書狀敘明理由向本院提出抗告狀（須按他造人數附繕本）。

Nếu không đồng ý với quyết định này, trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày được tống đạt, phải lập đơn bằng văn bản trình bày rõ lý do và nộp đơn kháng cáo

đến Tòa án (phải đính kèm bản sao theo số lượng đương sự phía bên kia).

《305》不得抗告
Không được kháng cáo
不得抗告。
Không được kháng cáo.

《306》不得聲明不服
Không được tuyên bố không đồng ý
不得聲明不服。
Không được tuyên bố không đồng ý.

## 貳、 高等行政法院高等行政訴訟庭之教示條款
## Điều khoản hướng dẫn của phiên tòa án tố tụng hành chính cấp cao thuộc Tòa án hành chính cấp cao

《307》得上訴

Được kháng cáo

一、 如不服本判決，應於送達後 20 日內，向本院高等行政訴訟庭提出上訴狀，其未表明上訴理由者，應於提出上訴後 20 日內補提理由書；如於本判決宣示或公告後送達前提起上訴者，應於判決送達後 20 日內補提上訴理由書（均須按他造人數附繕本）。

Nếu không đồng ý với phán quyết này, phải nộp đơn kháng cáo đến phiên tòa tố tụng hành chính cấp cao của Tòa án, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày được tống đạt, người không trình bày rõ lý do kháng cáo, phải nộp bổ sung bản trình bày lý do kháng cáo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nộp đơn kháng cáo; Nếu đã nộp đơn kháng cáo sau khi phán quyết được tuyên án hoặc công bố nhưng trước khi tống đạt, phải nộp bổ sung bản trình bày lý do kháng cáo trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày phán quyết được tống đạt (đều phải đính kèm bản sao theo số lượng đương sự phía bên kia).

二、 上訴未表明上訴理由且未於前述 20 日內補提上訴理由書者，逕以裁定駁回。

Đơn kháng cáo không trình bày rõ lý do kháng cáo và không nộp bổ sung bản trình bày lý do kháng cáo trong thời hạn 20 ngày nêu trên, sẽ bị bác đơn bằng quyết định.

三、 上訴時應委任律師為訴訟代理人，並提出委任書（行政訴訟法第 49 條之 1 第 1 項第 3 款）。但符合下列情形者，得例外不委任律師為訴訟代理人（同條第 3 項、第 4 項）。

Khi kháng cáo cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng, phải nộp giấy ủy quyền (khoản 3 mục 1 Điều 49-1 Luật Tố tụng hành chính). Nhưng người phù hợp các trường hợp sau, được ngoại lệ không cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng (khoản 3, khoản 4 cùng điều luật).

| 得不委任律師為訴訟代理人之情形<br>Trường hợp được không cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng | 所需要件 Điều kiện cần thiết |
| --- | --- |
| (一)　符合右列情形之一者，得不委任律師為訴訟代理人<br>Người phù hợp một trong các trường hợp nêu bên phải, được không cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng | 1. 上訴人或其代表人、管理人、法定代理人具備法官、檢察官、律師資格或為教育部審定合格之大學或獨立學院公法學教授、副教授者。<br>Người kháng cáo hoặc người đại diện, người quản lý, người đại diện theo pháp luật có tư cách là thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư hoặc là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành công pháp tại trường đại học hoặc học viện độc lập đã được Bộ Giáo dục thẩm định đủ tiêu chuẩn.<br>2. 稅務行政事件，上訴人或其代表人、管理人、法定代理人具備會計師資格者。<br>Vụ việc hành chính về thuế, người kháng cáo hoặc người đại diện, người quản lý, người đại diện theo pháp luật có tư cách là kế toán viên.<br>3. 專利行政事件，上訴人或其代表人、管理人、法定代理人具備專利師資格或依法得為專利代理人者。<br>Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, người kháng cáo hoặc người đại diện, người quản lý, người đại diện theo pháp luật có tư cách là chuyên gia sáng chế hoặc theo quy định pháp luật được phép làm người đại diện về sáng chế. |
| (二)非律師具有右列情形之一，經最高行政法院認為適當者，亦得為上訴審訴訟代理人<br>Người không phải là luật sư nhưng có một trong các trường hợp | 1. 上訴人之配偶、三親等內之血親、二親等內之姻親具備律師資格者。<br>Người là vợ/chồng, người thân thích cùng huyết thống trong phạm vi ba đời, người thân thích về quan hệ hôn nhân trong phạm vi hai đời của người kháng cáo có tư cách là luật sư.<br>2. 稅務行政事件，具備會計師資格者。 |

| | |
|---|---|
| nêu bên phải, được Tòa án hành chính tối cao xét thấy phù hợp, thì được làm người đại diện tố tụng trong quá trình tố tụng phúc thẩm | Vụ việc hành chính về thuế, người có tư cách là kế toán viên.<br>3. 專利行政事件，具備專利師資格或依法得為專利代理人者。<br>Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, người có tư cách là chuyên gia sáng chế hoặc theo quy định pháp luật được phép làm người đại diện về sáng chế.<br>4. 上訴人為公法人、中央或地方機關、公法上之非法人團體時，其所屬專任人員辦理法制、法務、訴願業務或與訴訟事件相關業務者。<br>Khi người kháng cáo là pháp nhân công, cơ quan trung ương hoặc địa phương, tổ chức không có tư cách pháp nhân theo công pháp, thì nhân viên chuyên trách trực thuộc đơn vị phụ trách công việc về pháp chế, pháp lý, giải quyết khiếu nại hành chính hoặc vấn đề liên quan về vụ việc tố tụng. |
| 是否符合(一)、(二)之情形，而得為強制律師代理之例外，上訴人應於提起上訴或委任時釋明之，並提出(二)所示關係之釋明文書影本及委任書。<br>Phù hợp các trường hợp tại điểm (1),(2) hay không, được coi là ngoại lệ trong việc bắt buộc phải có luật sư làm người đại diện tố tụng, người kháng cáo phải giải thích rõ khi nộp đơn kháng cáo hoặc ủy quyền, đồng thời phải nộp bản sao văn bản giải thích mối quan hệ nêu tại điểm (2) và giấy ủy quyền. | |

《308》不得上訴

Không được kháng cáo

不得上訴。

Không được kháng cáo.

《309》得抗告

Được kháng cáo

一、 如不服本裁定，應於送達後 10 日內，向本院高等行政訴訟庭提出抗告狀並敘明理由（須按他造人數附繕本）。

Nếu không đồng ý với quyết định này, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày được tống đạt, phải nộp đơn kháng cáo đến phiên tòa án tố tụng hành chính cấp cao của Tòa án và trình bày rõ lý do (phải đính kèm bản sao theo số

lượng đương sự phía bên kia).

二、 抗告時應委任律師為訴訟代理人，並提出委任書（行政訴訟法第 49 條之 1 第 1 項第 3 款）。但符合下列情形者，得例外不委任律師為訴訟代理人（同條第 3 項、第 4 項）。

Khi kháng cáo cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng, phải nộp giấy ủy quyền (khoản 3 mục 1 Điều 49-1 Luật Tố tụng hành chính). Nhưng người phù hợp các trường hợp sau, được ngoại lệ không cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng (khoản 3, khoản 4 cùng điều luật).

| 得不委任律師為訴訟代理人之情形<br>Trường hợp được không cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng | 所需要件 Điều kiện cần thiết |
|---|---|
| (一)符合右列情形之一者，得不委任律師為訴訟代理人<br>Người phù hợp một trong các trường hợp nêu bên phải, được không cần ủy quyền luật sư làm người đại diện tố tụng | 1. 抗告人或其代表人、管理人、法定代理人具備法官、檢察官、律師資格或為教育部審定合格之大學或獨立學院公法學教授、副教授者。<br>Người kháng cáo hoặc người đại diện, người quản lý, người đại diện theo pháp luật có tư cách là thẩm phán, kiểm sát viên, luật sư hoặc là giáo sư, phó giáo sư chuyên ngành công pháp tại trường đại học hoặc học viện độc lập được Bộ Giáo dục thẩm định đủ tiêu chuẩn.<br>2. 稅務行政事件，抗告人或其代表人、管理人、法定代理人具備會計師資格者。<br>Vụ việc hành chính về thuế, người kháng cáo hoặc người đại diện, người quản lý, người đại diện theo pháp luật có tư cách là kế toán viên.<br>3. 專利行政事件，抗告人或其代表人、管理人、法定代理人具備專利師資格或依法得為專利代理人者。<br>Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, người kháng cáo hoặc người đại diện, người quản lý, người đại diện theo pháp luật có tư cách là chuyên gia sáng chế hoặc theo quy định pháp luật được phép làm người |

| | |
|---|---|
| | đại diện về sáng chế. |
| (二)非律師具有右列情形之一，經最高行政法院認為適當者，亦得為上訴審訴訟代理人<br>Người không phải là luật sư nhưng có một trong các trường hợp nêu bên phải, được Tòa án hành chính tối cao xét thấy phù hợp, thì được làm người đại diện tố tụng trong quá trình tố tụng phúc thẩm | 1. 抗告人之配偶、三親等內之血親、二親等內之姻親具備律師資格者。<br>Người là vợ/chồng, người thân cùng huyết thống trong phạm vi ba đời, người thân về quan hệ hôn nhân trong phạm vi hai đời của người kháng cáo có tư cách là luật sư.<br>2. 稅務行政事件，具備會計師資格者。<br>Vụ việc hành chính về thuế, người có tư cách là kế toán viên.<br>3. 專利行政事件，具備專利師資格或依法得為專利代理人者。<br>Vụ việc hành chính về bản quyền sáng chế, người có tư cách là chuyên gia sáng chế hoặc theo quy định pháp luật được phép làm người đại diện về sáng chế.<br>4. 抗告人為公法人、中央或地方機關、公法上之非法人團體時，其所屬專任人員辦理法制、法務、訴願業務或與訴訟事件相關業務者。<br>Khi người kháng cáo là pháp nhân công, cơ quan trung ương hoặc địa phương, tổ chức không có tư cách pháp nhân theo công pháp, thì nhân viên chuyên trách trực thuộc đơn vị phụ trách công việc về pháp chế, pháp lý, giải quyết khiếu nại hành chính hoặc vấn đề liên quan về vụ việc tố tụng. |
| 是否符合(一)、(二)之情形，而得為強制律師代理之例外，抗告人應於提起抗告或委任時釋明之，並提出(二)所示關係之釋明文書影本及委任書。<br>Phù hợp các trường hợp tại điểm (1),(2) hay không, được coi là ngoại lệ trong việc bắt buộc phải có luật sư làm người đại diện tố tụng, người kháng cáo phải giải thích rõ khi nộp đơn kháng cáo hoặc ủy quyền, đồng thời phải nộp bản sao văn bản giải thích mối quan hệ nêu tại điểm (2) và giấy ủy quyền. | |

《310》不得抗告

Không được kháng cáo

不得抗告。

Không được kháng cáo.

《311》不得聲明不服

Không được tuyên bố không đồng ý

不得聲明不服。

Không được tuyên bố không đồng ý